

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
-----&-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III-2010

TÊN ĐƠN VỊ : CTY CPĐTPT CƯỜNG THUẬN IDICO
MST : 3600459834
ĐỊA CHỈ : 168 KP 11 P. AN BÌNH – BIÊN HOÀ – ĐỒNG NAI

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2010 (Quý 3/2010)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		312,504,224,923	261,160,877,537
I. Tiền	110		18,521,998,961	2,814,181,024
1. Tiền	111	V.1	18,521,998,961	2,814,181,024
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147,067,900,618	134,027,386,222
1. Phải thu khách hàng	131		122,612,424,481	83,994,869,527
2. Trả trước cho người bán	132		14,772,424,307	16,051,028,018
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	9,683,051,830	33,981,488,677
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		137,744,278,026	115,626,179,209
1. Hàng tồn kho	141	V.4	137,744,278,026	115,626,179,209
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,170,047,318	8,693,131,082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		823,311,649	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		8,346,735,669	8,693,131,082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205,165,647,471	196,175,177,701
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010 (Quý 3/2010)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		183,802,621,959	181,885,087,698
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	119,310,330,441	118,716,791,491
- Nguyên giá	222		180,361,775,326	164,159,416,889
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61,051,444,885)	(45,442,625,398)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	50,578,169,801	57,030,478,025
- Nguyên giá	228		83,670,838,182	83,670,838,182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33,092,668,381)	(26,640,360,157)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	13,914,121,717	6,137,818,182
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	18,683,350,000	11,585,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		10,283,350,000	5,585,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6,000,000,000	3,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		2,400,000,000	2,400,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,679,675,512	2,705,090,003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2,679,675,512	2,705,090,003
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		517,669,872,394	457,336,055,238

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010 (Quý 3/2010)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		324,860,027,218	260,150,882,125
I. Nợ ngắn hạn	310		269,909,316,509	192,192,773,182
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	94,319,728,699	63,416,463,388
2. Phải trả cho người bán	312		69,545,117,222	44,752,776,394
3. Người mua trả tiền trước	313		78,424,016,895	58,437,798,843
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	15,246,524,747	12,874,550,072
5. Phải trả người lao động	315		2,456,049,796	2,010,441,167
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,565,273,618	1,075,980,082
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	7,509,962,897	7,217,884,495
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		842,642,635	2,406,878,741
II. Nợ dài hạn	330		54,950,710,709	67,958,108,943
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	54,873,627,011	67,833,459,381
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		77,083,698	124,649,562
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192,809,845,176	197,185,173,113
I. Vốn Chủ Sở Hữu	410		192,809,845,176	197,185,173,113
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,431,670,000	2,431,670,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.22	3,690,728,985	3,773,714,907
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.22	7,043,347,552	33,361,275
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	VI.22	29,632,978,212	40,935,306,504
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11,120,427	11,120,427
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 30 tháng 09 năm 2010 (Quý 3/2010)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		517,669,872,394	457,336,055,238

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người Lập

Bùi Tiến Vàng

Kế toán trưởng

Lê Văn Vinh

Ngày 25/10/2010

Tổng giám đốc



Trần Như Hoàng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam			
			Quý 3 năm 2010		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.25	109,368,619,366	87,911,338,991	297,422,155,151	221,872,325,052
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	V.26			16,826,857	31,419,062
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	V.27	109,368,619,366	87,911,338,991	297,405,328,294	221,840,905,990
4 Giá vốn hàng bán	11	V.28	89,490,211,160	54,562,039,857	230,958,437,224	149,182,935,759
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		19,878,408,206	33,349,299,134	66,446,891,070	72,657,970,231
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	49,898,557	20,630,207	2,397,476,077	243,317,329
7 Chi phí tài chính	22	V.30	4,870,873,773	2,113,606,289	14,944,101,409	10,788,130,991
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,870,873,773	2,058,233,052	13,828,352,376	8,955,590,800
8 Chi phí bán hàng	24		5,005,401,660	4,664,137,513	15,174,771,162	10,773,823,805
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,213,549,885	3,116,397,300	13,568,521,252	10,166,949,609
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,838,481,445	23,475,788,239	25,156,973,324	41,172,383,155
11 Thu nhập khác	31		48,423,574	55,418,000	1,354,881,094	11,908,596,755
12 Chi phí khác	32		556,967,280	213,179,701	1,456,051,103	11,156,300,229
13 Lợi nhuận khác	40		(508,543,706)	(157,761,701)	(101,170,009)	752,296,526

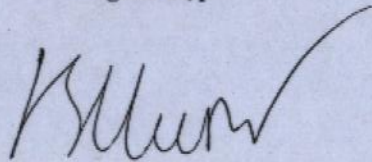
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2010

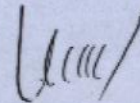
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,329,937,739	23,318,026,538	25,055,803,315	41,924,679,681
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	709,500,822	2,708,328,576	4,265,143,982	7,331,290,475
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,620,436,917	20,609,697,962	20,790,659,333	34,593,389,206
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người Lập



Bùi Tiến Vương

Kế toán trưởng



Lê Văn Vinh

Ngày 25/10/2010

Tổng giám đốc



Trần Như Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn :

Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất

03. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán rượu bia, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Quyền thu phí tỉnh lộ 16

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Giá trị quyền thu phí tính lộ 16 là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí tính lộ 16. Công ty ước tính thời gian thu hồi vốn đầu tư là 10 năm.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

5.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

5.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: Quyền sử dụng thương hiệu IDICO, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hoá thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ đã được khách hàng phản ánh trên hoá đơn.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục ngắn hạn được treo lại trên TK413 đầu năm sau hoàn nhập lại; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tinh thần Thông tư 177 và 201 của Bộ Tài Chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế trên bảng cân đối kế toán ở khoản mục vốn chủ sở hữu. Khi kết thúc quá trình xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục mang tính chất tiền tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian năm.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Quý 3 năm 2010**Đơn vị tính: VNĐ***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<i>01. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>Quý III năm 2010</i>	<i>Quý III năm 2009</i>
- Tiền mặt	16,098,154,238	2,690,450,652
- Tiền gửi ngân hàng	2,423,844,723	93,271,124
Cộng	18,521,998,961	2,783,721,776
<i>03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:</i>	<i>Quý III năm 2010</i>	<i>Quý III năm 2009</i>
- Tiền ứng thực hiện dự án BOT QL 1A	8,958,000,000	
- Tạm chi thù lao Ban kiểm soát	605,051,830	
- Phải thu khác	120,000,000	11,196,073,805
Cộng	9,683,051,830	11,196,073,805
<i>04. Hàng tồn kho</i>	<i>Quý III năm 2010</i>	<i>Quý III năm 2009</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	10,679,431,909	11,167,224,551
- Công cụ, dụng cụ	480,891,379	-
- Chi phí SX, KD dở dang (*)	93,243,287,178	62,163,648,977
- Thành phẩm	32,376,063,300	39,261,737,826
- Hàng hóa	964,604,260	568,816,185
Giá trị thuần của hàng tồn kho	137,744,278,026	113,161,427,539

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chủ yếu là dở dang của các công trình xây lắp chưa hoàn thành và nghiệm thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	9,514,740,661	100,262,037,979	27,614,446,935	599,137,786	33,674,905,353	171,665,268,714
- Mua trong kỳ	-	7,923,419,914	677,272,727	95,813,971	-	8,696,506,612
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	9,514,740,661	108,185,457,893	28,291,719,662	694,951,757	33,674,905,353	180,361,775,326
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2,097,549,262	37,642,227,237	7,551,797,725	327,082,660	7,960,318,744	55,578,975,628
- Khấu hao trong kỳ	172,835,688	3,405,050,924	941,412,652	26,751,747	926,418,246	5,472,469,257
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2,270,384,950	41,047,278,161	8,493,210,377	353,834,407	8,886,736,990	61,051,444,885
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	7,590,027,087	68,306,909,568	18,373,236,074	251,241,040	26,641,004,855	121,162,418,624
- Tại ngày cuối kỳ	7,244,355,711	67,138,179,732	19,798,509,285	341,117,350	24,788,168,363	119,310,330,441

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Quyền thu phí tỉnh lộ 16	TS Vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	83,670,838,182	-	83,670,838,182
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	83,670,838,182	-	83,670,838,182
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	30,941,898,973		30,941,898,973
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	2,150,769,408	-	2,150,769,408
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ)	-	-	-	33,092,668,381	-	33,092,668,381
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						-
- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	52,728,939,209	-	52,728,939,209
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	50,578,169,801	-	50,578,169,801

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Quyền sử dụng đất chưa hoàn tất thủ tục	5,931,818,182	5,931,818,182
- Chi phí dự án khai thác VLXD Bình Lợi, Vĩnh Cửu	5,309,124,471	206,000,000
- Chi phí XD CB khác	2,673,179,064	593,215,838
Cộng	13,914,121,717	6,731,034,020

13. Đầu tư tài chính dài hạn:

	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Đầu tư vào công ty con - Công ty BOT Đồng Thuận nắm giữ 87,77% vốn điều lệ 155 tỷ	10,283,350,000	1,785,000,000
- Đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Việt Thuận Phát nắm giữ 25% vốn điều lệ	6,000,000,000	3,600,000,000
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Lắp máy điện nước IDICO nắm giữ 3% vốn điều lệ 80 tỷ.	2,400,000,000	2,400,000,000
Cộng	18,683,350,000	7,785,000,000

14. Chi phí trả trước dài hạn:

	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		243,058,086
- Chi phí thấp đồng hồ quảng cáo tại Hàng xanh	944,444,444	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	568,564,403	1,085,884,950
- Quyền sử dụng thương hiệu IDICO	1,166,666,665	1,833,333,333
Cộng	2,679,675,512	3,162,276,369

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Vay ngắn hạn ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	94,033,678,699	18,811,263,580
- Vay ngắn NH TMCP Sài Gòn - CN Củ Chi		21,958,936,109
- Vay cá nhân	286,050,000	697,690,000
Cộng	94,319,728,699	41,467,889,689

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Thuế GTGT đầu ra	2,164,552,007	3,152,513,767
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,948,390,035	7,331,290,475
- Thuế Thu nhập cá nhân	59,176,156	41,003,046
- Các loại thuế khác	74,406,549	74,406,549
Cộng	15,246,524,747	10,599,213,837

17. Chi phí phải trả

	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Phí kiểm toán	195,000,000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

- Trích trước trùng tu tỉnh lộ 16.	1,127,882,264	2,705,908,587
- Trích trước CP công trình ĐH Tôn đức thắng	242,391,354	
Cộng	1,565,273,618	2,705,908,587
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Kinh phí công đoàn	17,621,300	124,827,214
- Bảo hiểm xã hội	162,073,694	271,456,146
- Bảo hiểm y tế	41,465,297	58,852,482
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7,288,802,606	6,079,557,075
Cộng	7,509,962,897	6,534,692,917
20. Vay và nợ dài hạn	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
Vay dài hạn		
- Vay NH TMCP An Bình	18,032,419,651	31,532,419,651
- Vay ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	11,241,550,000	3,370,295,946
- Vay NH TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi	25,599,657,360	32,799,478,815
Cộng	54,873,627,011	67,702,194,412

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn DTXDCB	Cộng
A	1	2	3	4	5	5	6
Số dư đầu kỳ trước	150,000,000,000	2,431,670,000	18,360,612,074	3,690,728,985	7,043,347,552	11,120,427	181,537,479,038
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	7,934,096,781	-	-	-	7,934,096,781
- Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(1,282,167,560)	-	-	-	(1,282,167,560)
Số dư cuối kỳ trước	150,000,000,000	2,431,670,000	25,012,541,295	3,690,728,985	7,043,347,552	11,120,427	188,189,408,259
Số dư đầu kỳ	150,000,000,000	2,431,670,000	25,012,541,295	3,690,728,985	7,043,347,552	11,120,427	188,189,408,259
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	4,620,436,917	-	-	-	4,620,436,917
- Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	150,000,000,000	2,431,670,000	29,632,978,212	3,690,728,985	7,043,347,552	11,120,427	192,809,845,176

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Quý III năm 2010

Quý III năm 2009

- Vốn góp của nhà nước (Tổng cty IDICO)

7,000,000,000

7,000,000,000

- Vốn góp của các đối tượng khác

143,000,000,000

143,000,000,000

Cộng

150,000,000,000

150,000,000,000

c. Các quỹ của doanh nghiệp:

Quý III năm 2010

Quý III năm 2009

- Quỹ đầu tư phát triển

3,690,728,985

1,354,066,893

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

- Quỹ dự phòng tài chính	7,043,347,552	33,361,275
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	11,120,427	11,120,427
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	842,642,635	902,923,249

" Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chỉ khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	109,368,619,366	87,911,338,991
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ	69,623,404,815	18,079,107,492
- Doanh thu bán công	33,108,212,733	63,178,235,135
- Doanh thu thu phí tính lộ 16	6,637,001,818	6,653,996,364
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	109,368,619,366	87,911,338,991
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng và hoạt động xây lắp	69,623,404,815	18,079,107,492
- Doanh thu thuần bán công	33,108,212,733	63,178,235,135
- Doanh thu thuần thu phí tính lộ 16	6,637,001,818	6,653,996,364
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Giá vốn của hàng hóa và hoạt động xây lắp	66,450,668,080	14,921,601,023
- Giá vốn của bán công	20,588,166,049	37,189,046,899
- Giá vốn hoạt động thu phí	2,451,391,935	2,451,391,935
Cộng	89,490,226,064	54,562,039,857
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49,898,557	20,630,207
Cộng	49,898,557	20,630,207
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Lãi tiền vay	4,870,873,773	2,058,233,052
- Chi phí tài chính khác		55,373,237

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Cộng	4,870,873,773	2,113,606,289
31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Quý III năm 2010	Quý III năm 2009
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	709,500,822	2,708,328,576
Cộng	709,500,822	2,708,328,576

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ : Không có**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC: không có**

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

3- Thông tin về các bên liên quan:

a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Vào thời điểm 30/09/2010 các công nợ liên quan giữa Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO và Công ty liên kết Việt Thuận Phát:

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	Quý III/2010	Quý III năm 2009
Cty Cường Thuận còn phải trả Cty Việt Thuận		
Phát tiền mua Bê tông NN	1,221,720,411	

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Không có

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không có

6- Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

7- Những thông tin khác: không có

Người Lập

Kế toán trưởng

Ngày 25/10/2010

Tổng giám đốc

Bùi Tiến Vương

Lê Văn Vĩnh

Trần Như Hoàng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		25,055,803,315	41,924,679,681
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		22,529,117,106	20,153,099,959
Các khoản dự phòng	3		-	-
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		-	-
Chi phí lãi vay	6		13,828,352,376	8,955,590,800
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	8		61,413,272,797	71,033,370,440
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(13,517,430,632)	(31,634,490,957)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(22,118,098,817)	(42,498,358,131)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		46,765,712,152	17,046,624,601
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		25,414,491	(1,347,273,490)
Tiền lãi vay đã trả	13		(13,828,352,376)	(8,955,590,800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,000,000,000)	(1,787,953,640)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2,837,476,044
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(10,821,720,798)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46,918,796,817	4,693,804,067
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(18,315,152,730)	(9,095,405,235)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		259,090,909	76,190,476
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7,098,350,000)	(7,785,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25,154,411,821)	(16,804,214,759)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	26,219,883,225
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		166,061,108,368	60,234,123,760
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(148,117,675,427)	(55,079,956,941)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(24,000,000,000)	(18,482,082,787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6,056,567,059)	12,891,967,257

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Quý 3 năm 2010

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15,707,817,937	781,556,565
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,814,181,024	2,002,165,211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		18,521,998,961	2,783,721,776

Người Lập

Kế toán trưởng

Ngày 25/10/2010

Tổng giám đốc

Bùi Tiến Vương

Lê Văn Vĩnh

Bùi Tiến Vương

Lê Văn Vĩnh



Trần Như Hoàng